

**BỘ TÀI CHÍNH****BỘ TÀI CHÍNH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 160/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 15 tháng 10 năm 2015

**THÔNG TƯ****Quy định về định mức chi phí nhập, chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý**

*Căn cứ Luật Tiêu chuẩn và Quy chuẩn kỹ thuật số 68/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;*

*Căn cứ Luật dự trữ quốc gia số 22/2012/QH13 ngày 20 tháng 11 năm 2012;*

*Căn cứ Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật dự trữ quốc gia;*

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước;*

*Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về định mức chi phí nhập, chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý.*

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh: Thông tư này quy định định mức chi phí nhập, chi phí xuất lương thực, vật tư, thiết bị cứu hộ, cứu nạn, vật tư thông dụng động viên công nghiệp, muối trắng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý.

2. Đối tượng áp dụng: Định mức chi phí nhập, chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong công tác quản lý, nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia.

**Điều 2. Nội dung định mức**

1. Nội dung chi phí nhập, chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý theo phụ lục đính kèm.

2. Định mức chi phí nhập, chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý bao gồm các nội dung chi có liên quan đến công tác nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia tại cửa kho, cụ thể:

Thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá; kiểm tra, kiểm định hàng dự trữ quốc gia; sửa chữa, kiểm định phương tiện đo lường; sửa chữa, mua sắm công cụ, dụng cụ, bao bì phục vụ nhập, xuất (nếu có); cân, đong, đo, đếm, sang bao, đở bao,

đóng gói, hạ kiêu; chi phí lắp đặt, nổ thử máy tại chỗ, chi phí thuê phương tiện bốc dỡ (nếu có); bốc xếp hàng dự trữ quốc gia từ phương tiện vận chuyển vào kho hoặc từ kho lên phương tiện vận chuyển; công tác an ninh, bảo vệ; mái che tạm phục vụ giao, nhận hàng; chi làm đêm, thêm giờ, bữa ăn giữa ca; in ấn tài liệu, văn phòng phẩm; họp chỉ đạo, hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết; chi tuyên truyền, quảng cáo, thông tin liên lạc, đăng tin, tập huấn, hướng dẫn; kiểm tra công tác nhập, xuất tại các đơn vị trực thuộc; chi phí thẩm định chất lượng hàng; chi sửa chữa thường xuyên kho tàng; chi phí sửa chữa phương tiện, thiết bị, công cụ, dụng cụ phục vụ công tác nhập, xuất và các chi phí khác có liên quan.

3. Căn cứ nội dung định mức quy định tại Thông tư này, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm quy định mức chi cho các nội dung chi phù hợp với điều kiện quản lý nhưng đảm bảo không vượt quá định mức chung đã quy định.

### **Điều 3. Áp dụng định mức**

Định mức chi phí nhập, chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý quy định tại Điều 2 Thông tư này được áp dụng làm căn cứ để xây dựng dự toán và quản lý chi phí, thực hiện kế hoạch nhập, xuất hàng dự trữ quốc gia từ năm ngân sách 2016.

Đối với năm ngân sách 2015, định mức chi phí nhập, chi phí xuất hàng dự trữ quốc gia do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý được tiếp tục áp dụng theo quy định tại Thông tư số 186/2011/TT-BTC ngày 19/12/2011 của Bộ Tài chính, Thông tư số 187/2011/TT-BTC ngày 19/12/2011 của Bộ Tài chính.

### **Điều 4. Tổ chức thực hiện**

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 12 năm 2015.

2. Thông tư này bãi bỏ:

a) Thông tư số 186/2011/TT-BTC ngày 19/12/2011 của Bộ Tài chính quy định về định mức phí nhập, phí xuất lương thực dự trữ quốc gia tại cửa kho Dự trữ Nhà nước do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý.

b) Thông tư số 187/2011/TT-BTC ngày 19/12/2011 của Bộ Tài chính quy định về định mức phí nhập, xuất vật tư, thiết bị dự trữ quốc gia tại cửa kho Dự trữ Nhà nước do Tổng cục Dự trữ Nhà nước trực tiếp quản lý.

3. Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan đến công tác nhập, xuất và quản lý hàng dự trữ quốc gia có trách nhiệm tổ chức thực hiện./.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nguyễn Hữu Chí**

**Phụ lục****ĐỊNH MỨC CHI PHÍ NHẬP, CHI PHÍ XUẤT HÀNG DỰ TRỮ QUỐC GIA  
DO TỔNG CỤC DỰ TRỮ NHÀ NƯỚC TRỰC TIẾP QUẢN LÝ**

(Kèm theo Thông tư số 160/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 10 năm 2015  
của Bộ Tài chính)

<b>TT</b>	<b>Danh mục định mức</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Thành tiền</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí nhập, xuất vật tư thiết bị</b>		
1	Phí nhập, xuất xuồng DT1	đồng/chiếc	7.072.131
2	Phí nhập, xuất xuồng DT2	đồng/bộ	8.590.996
3	Phí nhập, xuất xuồng DT3	đồng/bộ	8.914.159
4	Phí nhập, xuất xuồng DT4	đồng/bộ	9.237.322
5	Phí nhập, xuất nhà bạt cứu sinh loại 60 m <sup>2</sup>	đồng/bộ	295.048
6	Phí nhập, xuất nhà bạt cứu sinh loại 24,75 m <sup>2</sup>	đồng/bộ	189.100
7	Phí nhập, xuất nhà bạt cứu sinh loại 16,5 m <sup>2</sup>	đồng/bộ	165.783
8	Phí nhập, xuất nhà bạt nhẹ cứu sinh loại 60 m <sup>2</sup>	đồng/bộ	214.361
9	Phí nhập, xuất nhà bạt nhẹ cứu sinh loại 24,5 m <sup>2</sup>	đồng/bộ	154.061
10	Phí nhập, xuất nhà bạt nhẹ cứu sinh loại 16,5 m <sup>2</sup>	đồng/bộ	133.561
11	Phí nhập, xuất phao tròn cứu sinh	đồng/chiếc	14.665
12	Phí nhập, xuất phao áo cứu sinh	đồng/chiếc	8.642
13	Phí nhập, xuất bè cứu sinh nhẹ (phao bè)	đồng/chiếc	47.453
14	Phí nhập, xuất kim loại các loại	đồng/tấn	202.775
15	Phí nhập, xuất máy xúc, đào đa năng	đồng/chiếc	5.119.941
16	Phí nhập, xuất máy bơm nước chữa cháy	đồng/chiếc	1.145.529
17	Phí nhập, xuất máy phát điện	đồng/chiếc	4.456.777
18	Phí nhập, xuất động cơ thủy	đồng/chiếc	3.584.604
<b>II</b>	<b>Chi phí nhập, xuất lương thực và muối ăn</b>		
1	Phí nhập muối ăn	đồng/tấn	232.151
2	Phí xuất muối ăn	đồng/tấn	248.607
3	Phí nhập kho gạo	đồng/tấn	387.893
4	Phí xuất kho gạo	đồng/tấn	334.509
5	Phí nhập kho thóc đồ rời	đồng/tấn	432.775
6	Phí nhập kho thóc đóng bao	đồng/tấn	522.651
7	Phí xuất kho thóc đồ rời	đồng/tấn	392.039
8	Phí xuất kho thóc đóng bao	đồng/tấn	382.442